| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG**<br>---------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2018/DS-PT
Ngày 03/4/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Hiểu.

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền và ông Nguyễn Mạnh Cường.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thành.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương***: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03/4/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2017/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Do bản án sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07 ngày 15/3 /2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Nơi cư trú: Thị Tứ Q, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông Phạm Đức B, sinh năm 1969 và bà Trần Thị L, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: thôn Thôn A, xã Đ, huyện T, Hải Dương.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Văn phòng công chứng T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N – Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: thị trấn K, huyện T, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L phải trả toàn bộ số tiền đã vay 570.000.000đ (Năm trăm bẩy mươi triệu đồng) và tiền lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định từ thời điểm vay 22/01/2012 đến thời điển xét xử sơ thẩm lần 2 ngày 15/9/2017. Đồng thời đề nghị hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông B bà L.

Căn cứ ông H bà M đưa ra đó là vợ chồng ông B bà L trong năm 2011 có 05 lần vay tiền của ông bà với tổng số tiền là 570.000.000đ, mỗi lần vay được ghi sổ và có ký nhận của người vay, đến ngày 22/01/2012 ông B bà L do chưa có tiền trả nên đã viết lại giấy biên nhận vay nợ của vợ chồng ông số tiền 570.000.000đ thành 05 giấy biên nhận, còn tiền lãi thỏa thuận miệng giữa hai bên. Đến cuối năm 2012 do cần tiền ông bà đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông B bà L vẫn chưa có tiền trả nợ nên ông B bà L đề nghị trả nợ bằng 02 thửa đất gồm thửa 212 có diện tích 157,5 m2 và thửa 213 diện tích 155,7 m2 đều ở tờ bản đồ số 19 thuộc xã Đ, huyện T và trả thêm bằng tiền mặt 80.000.000đ ông bà cũng nhất trí và hai bên đến văn phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 02/01/2013. Nhưng sau đó vợ chồng ông B không thực hiện theo hợp đồng là giao đất và giấy tờ kèm theo để ông bà làm thủ tục sang tên, đồng thời không trả số tiền 80.000.000đ nên ông bà có đơn khởi kiện buộc ông B và L có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và tiền lãi đồng thời yêu cầu hủy hai hợp đồng chuyển nhượng đất đã giao dịch giữa hai bên.

Bị đơn ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L trình bày thừa nhận có nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông H bà M có trả lãi, về lãi ông bà đã thanh toán đầy đủ theo tháng. Đến cuối năm 2012 vợ chồng ông H yêu cầu vợ chồng ông viết lại giấy biên nhận vay nợ nên ngày 22/01/2012 ông bà đã viết lại 05 giấy biên nhận vay của vợ chồng ông H bà M số tiền 570.000.000đ (năm trăm bẩy mươi triệu đồng) còn tiền lãi thỏa thuận miệng là trả lãi 1.500đ/1 triệu/1 ngày. Tháng 11/2012 vợ chồng ông H đòi tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng do không có tiền trả nợ ông bà đề xuất trả nợ cho vợ chồng ông H toàn bộ tiền nợ gốc 570.000.000đ và tiền lãi bằng hai thửa đất số 212 và 213; Ngày 02/01/2013 hai bên đến văn phòng công chứng T làm thủ tục bằng hình thức lập hợp đồng chuyển nhượng hai thửa đất nêu trên, hai bên đã ký kết được phòng công chứng chứng nhận nhưng vì vợ chồng ông H không giao 05 tờ giấy biên nhận nợ nên ông bà không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất nêu trên. Nay ông H bà M khởi kiện yêu cầu trả nợ 570 triệu đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/01/2012 đến ngày xử sơ thẩm lần 2 ông bà không đồng ý và đề nghị ông H bà M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất mà hai bên đã ký kết và số tiền

80 triệu đồng. Ông bà không đồng ý trả 570 triệu đồng và tiền lãi. Ngoài ra ông bà còn trình bày rằng số tiền đã vay ông bà đã trả được 40 triệu đồng tiền lãi.

Ngày 10/02/2015, TAND huyện Tứ Kỳ tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2015/DS-ST đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy hai hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất số 212 và 213 giữa vợ chồng ông Phạm Đức B, bà Trần Thị L với vợ chồng ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị M. Buộc vợ chồng ông B, bà L có trách nhiệm trả vợ chồng ông H, bà M số tiền gốc 570 triệu đồng và tiền lãi 156.750.000đ.

Ngày 25/6/2015 tại bản án phúc thẩm số 20/2015/DS-PT của TAND tỉnh Hải Dương đã quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 43/2017 ngày 19/5/2017 của Ủy ban thẩm phán TAND cấp cao tại Hà Nội đã quyết định chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND cấp cao tại Hà Nội tuyên hủy một phần bán án sơ thẩm và một phần bản án phúc thẩm của TAND huyện Tứ Kỳ và TAND tỉnh Hải Dương về phần xem xét lại khoản tiền 40 triệu đồng và tiền lãi suất. Nên TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý xem xét giải quyết lại phần vụ án bị hủy.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06 ngày 15/9/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ đã áp dụng các quy định của pháp luật tuyên xử: Buộc vợ chồng ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M 570.000.000đ (Năm trăm bẩy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và tiền lãi là 49.590.000đ (Bốn mươi chín triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng). Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 26/9/2017, ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông B, bà L có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ tiền lãi theo quy định của ngân hàng từ 22/01/2012 đến khi tòa án xét xử sơ thẩm lần 2 vì cho rằng ông B, bà L có lỗi không thực hiện hợp đồng và hợp đồng bị tòa án tuyên vô hiệu.

Ngày 28/9/2017 ông Phạm Đức B có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét khoản tiền 40 triệu đồng mà ông đã trả là trả lãi và phần án phí dân sự mỗi bên phải chịu một nửa.

Ngày 20/11/2017 ông Phạm Đức B có đơn bổ xung yêu cầu vợ chồng ông H, bà M phải trả lợi tức diện tích đất từ năm 2013 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo và có quan điểm không đồng ý với nội dung kháng cáo và yêu cầu của ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L.

Ông Phạm Đức B, bà Trần Thị L trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 02 thửa đất để trừ nợ và ông bà trả cho ông H, bà M 80 triệu đồng, nếu

không được chấp nhận thì xem xét việc ông bà đã trả khoản nợ gốc 40 triệu đồng và không đồng ý trả toàn bộ tiền lãi cho ông H, bà M như tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, đồng thời đề nghị xem xét buộc ông H bà M phải thanh toán trả lợi tức diện tích đất đã giao cho ông H bà M từ năm 2013.

Đại diện VKS tỉnh Hải Dương phát biểu xác định những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về hướng giải quyết vụ án đại diện VKSND tỉnh Hải Dương trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ do các bên đưa ra và được thu thập hợp lệ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Đức B. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06 ngày 15/9/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, xem xét một cách toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày, tranh luận, nghe đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

- Về tố tụng:

Ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị M và ông Phạm Đức B kháng cáo trong thời hạn luật định nên được công nhận là kháng cáo hợp lệ.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị tòa án giải quyết tuyên hủy giao dịch về việc mua bán chuyển nhượng 02 thửa đất số 212, 213 giữa bên chuyển nhượng là ông Phạm Đức B, bà Trần Thị L với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M và yêu cầu đòi tiền vay nợ giữa bên cho vay là ông H, bà M với bên vay là ông B bà L được TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, trong đó nội dung quyết định của bản án sơ thẩm tuyên hủy hai hợp đồng chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông B bà L với vợ chồng ông H, bà M đã được hai cấp tòa án giải quyết có hiệu lực pháp luật. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06 ngày 15/9/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ chỉ giải quyết lại khoản tiền vay nợ giữa hai bên và tiền lãi suất của khoản nợ gốc là đúng pháp luật.

Xem xét nội dung kháng cáo:

Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông B, bà L phải trả toàn bộ số tiền lãi theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 22/01/2012 đến thời điểm xét xử sơ thẩm 15/9/2017. Tòa án thấy rằng sau khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa hai bên được phòng công chứng T chứng thực ngày 02/01/2013. Nhưng sau đó hai bên đều không thực hiện hợp

đồng, không làm thủ tục giao nhận đất, giấy tờ về đất nên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ, mặt khác hợp đồng này đã được tòa án tuyên vô hiệu vì vậy ông B, bà L vẫn nợ ông H, bà M số tiền 570 triệu đồng theo 05 giấy biên nhận mà ông B bà L viết từ 22/01/2012 và thừa nhận tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như như tại các phiên tòa sơ thẩm và chưa thanh toánh trả nợ cho ông H bà M. Trong khi đó việc vay nợ có trả lãi vì vậy yêu cầu của ông H bà M buộc ông B bà L phải trả nợ gốc và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng nhà nước quy định là có căn cứ. Vì vậy kháng cáo của ông H bà M được chấp nhận, cần buộc ông B bà L có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho vợ chồng H, bà M số tiền nợ gốc là 570 triệu đồng và tiền lãi do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định mức lãi xuất được xác định là lãi xuất cơ bản là 9%/năm = 0,75%/tháng. Như vậy thời gian từ ngày 22/01/2012 đến ngày 15/9/2017 là 56 tháng x 0,75% x 570.000.000đ = 239.400.000đ (Hai trăm ba mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với kháng cáo của bị đơn là ông B, bà L, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: số tiền ông B, bà L trả cho ông H, bà M 40 triệu đồng, tiền án phí dân sự, bản án sơ thẩm đã phân tích xác định số tiền 40 triệu mà ông B bà L đã thanh toán trả ông H bà M là tiền lãi và thời gian được thanh toán là trước ngày 22/01/2012 là ngày ông B bà L viết giấy nhận nợ số tiền 570 triệu đồng nên không phải là tiền trả sau ngày viết giấy biên nhận nợ, về tiền án phí dân sự  là nghĩa vụ thanh toán trả nợ gốc và lãi suất của bị đơn phải chịu án phí dân sự là đúng theo quy định của pháp luật. Tại các phiên tòa sơ thẩm ngày 10/2/2015 và ngày 15/9/2015 ông B bà L không suất trình được tài liệu, chứng cứ để tòa án chấp nhận yêu cầu của mình nên nội dung kháng cáo về số tiền 40 triệu đồng đã trả là tiền lãi sau ngày viết giấy biên nhận nợ, tiền án phí dân sự sơ thẩm của ông B, bà L không được tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông B bà L còn có yêu cầu buộc vợ chồng ông H bà M phải thanh toán trả lợi tức về đất của thửa 212 diện tích 157,5 m2 và thửa 213 diện tích 155,7 m2. HĐXX phúc thẩm thấy rằng nội dung này không được tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết và quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông B, bà L chưa khi nào có yêu cầu này, mặt khác ông B bà L cũng không đưa ra căn cứ là đã giao đất cho ông H, bà M và lợi tức giá trị cụ thể bằng bao nhiêu tiền hoặc thóc. Do đó nội dung kháng cáo này nằm ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về án phí dân sự do sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn nên cấp phúc thẩm tính lại án phí dân sự sơ thẩm để buộc ông B, bà L phải chịu theo quy định tại nghị quyết 326 của Quốc hội quy định về án, lệ phí tòa án.

Do sửa án sơ thẩm nên ông H, bà M, ông B, bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền đã nộp tạm ứng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các nhận xét trên;

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS;

**QUYẾT ĐỊNH**

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Đức B.

- Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của TAND huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

1. Áp dụng: Điều 471, 474, 476, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 BLTTDS; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L có trách nhiệm thanh toán trả nợ vợ chồng ông Nguyễn Thanh H bà Nguyễn Thị M gồm tiền vay nợ gốc 570.000.000đ (Năm trăm bẩy mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 22/01/2012 đến ngày 15/9/2017 là 239.400.000đ. Tổng cộng 809.400.000đ (Tám trăm linh chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi xuất được tính theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L phải chịu 36.282.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm được hoàn lại số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002033 ngày 27/9/2017 tại Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ.

- Ông Phạm Đức B và bà Trần Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm được hoàn lại số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002034 ngày 28/9/2017 tại Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: ngày 03/4/2018.

*Nơi nhận:*
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Tứ Kỳ.
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M Hội Đồng Xét Xử Phúc Thẩm**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(Đã ký)

**Nguyễn Huy Hiểu**